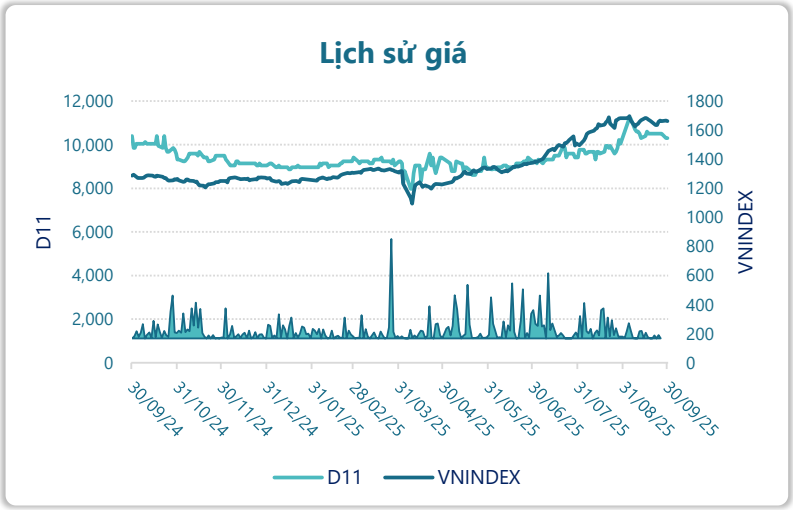
FireAnt

CTCP Địa ốc 11 (HNX: D11)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,974
SL cổ phiếu LH	8,218,456
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,425
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	85
P/E	
EPS	

DT thuần

Q3/25

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q3/25

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần

9T 2025

tỷ VNĐ

LN sau thuế

9T 2025

tỷ VNĐ

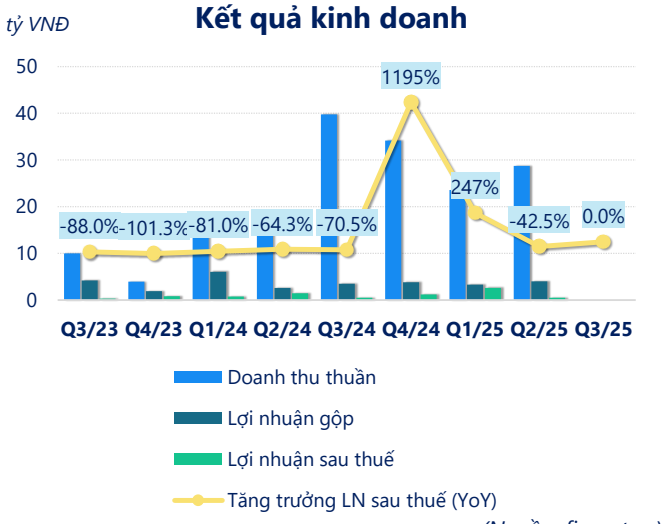
ROE

Q3/25

#VALUE!

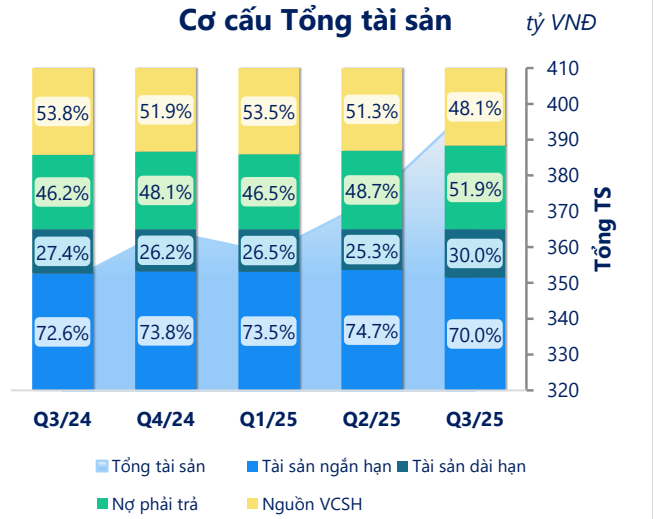
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



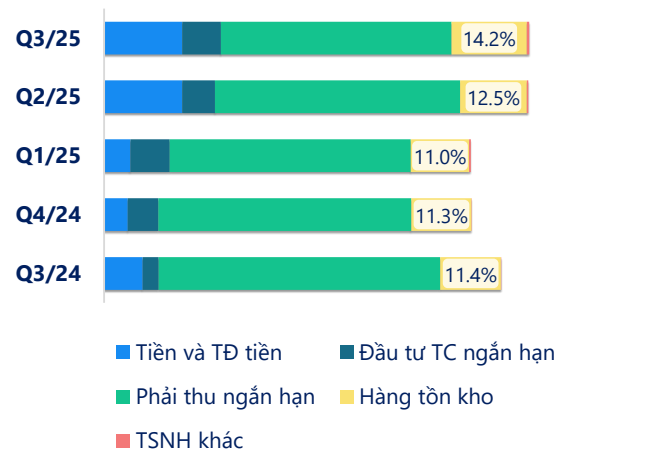
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



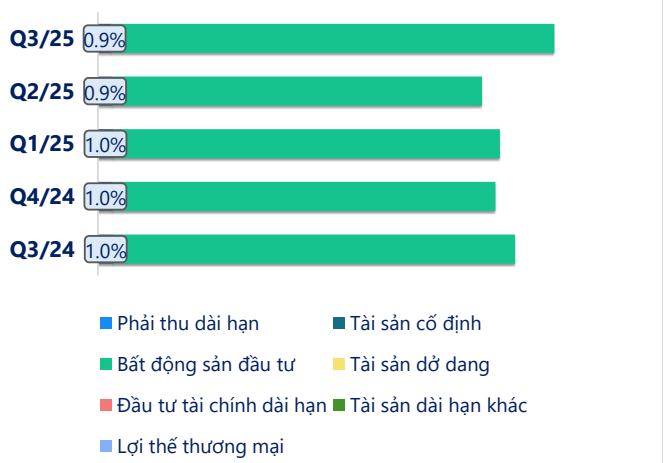
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



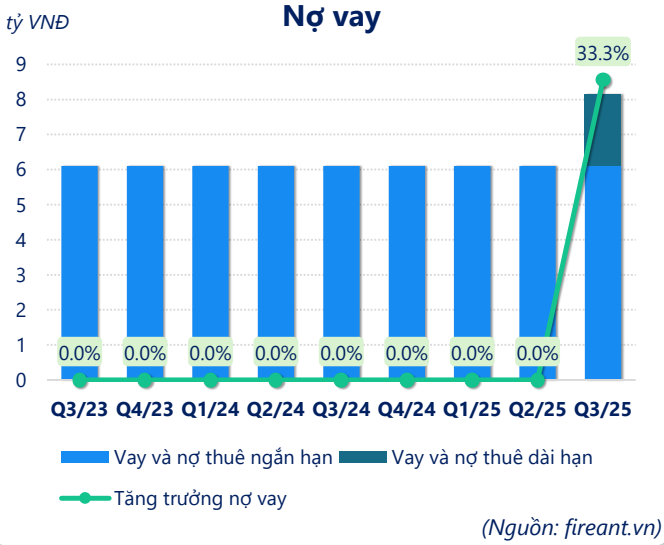
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



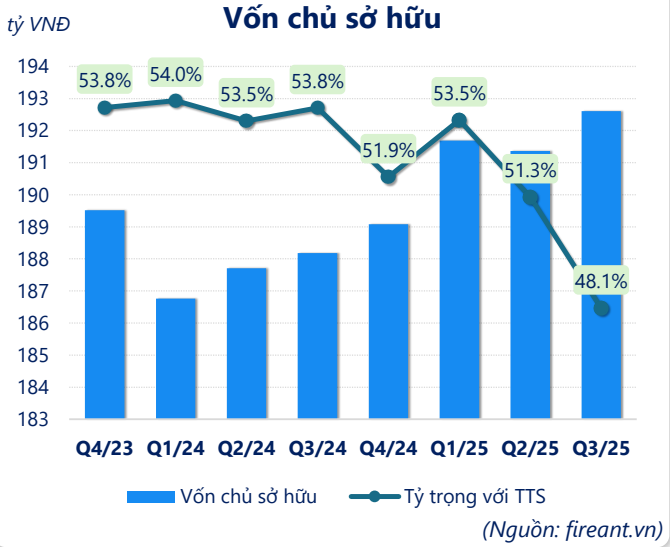
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



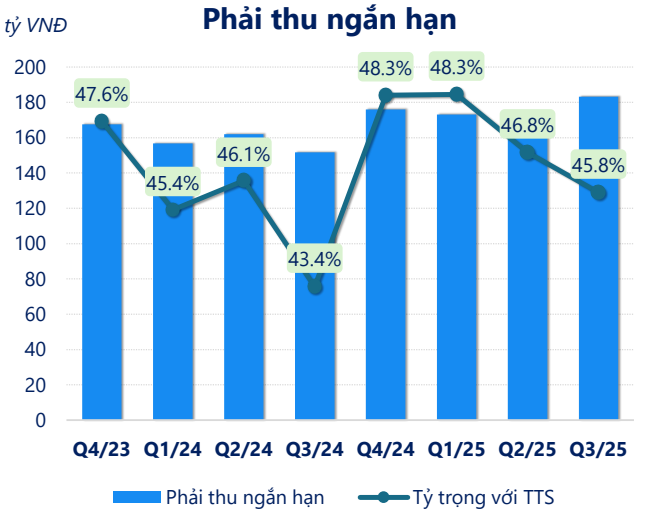
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



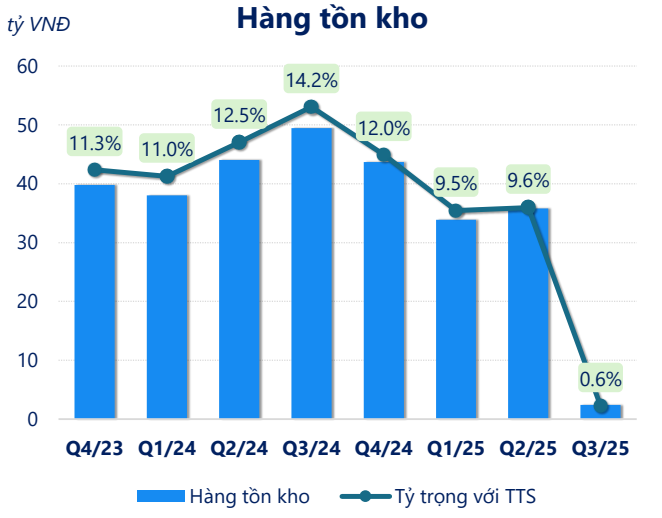
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



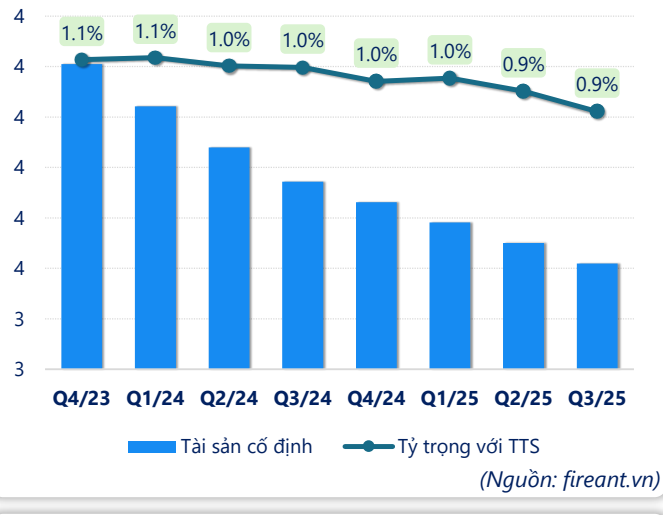
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



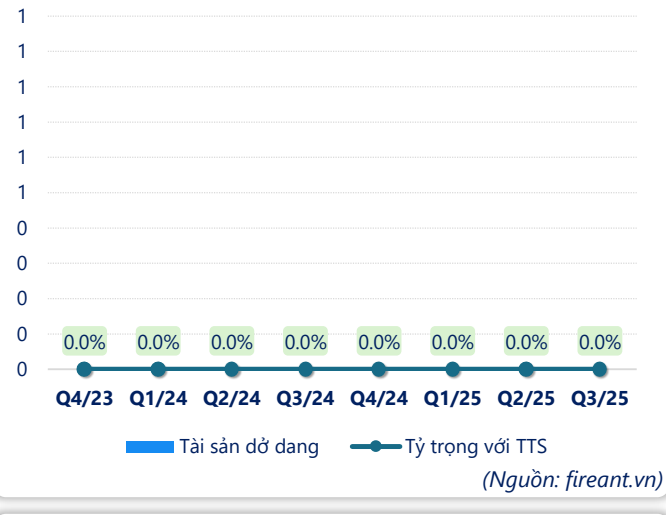
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



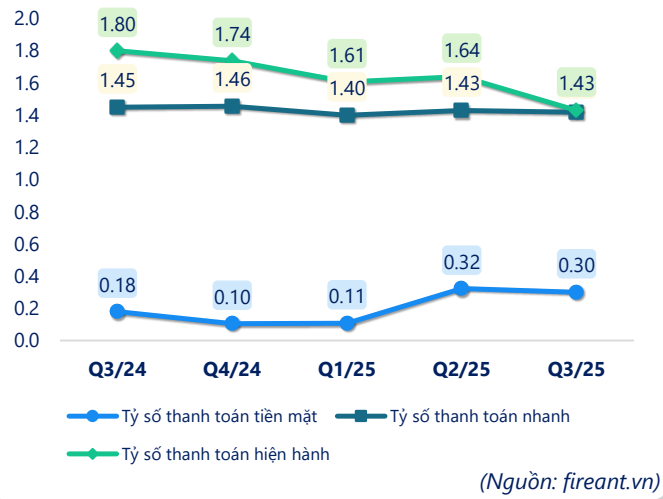
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



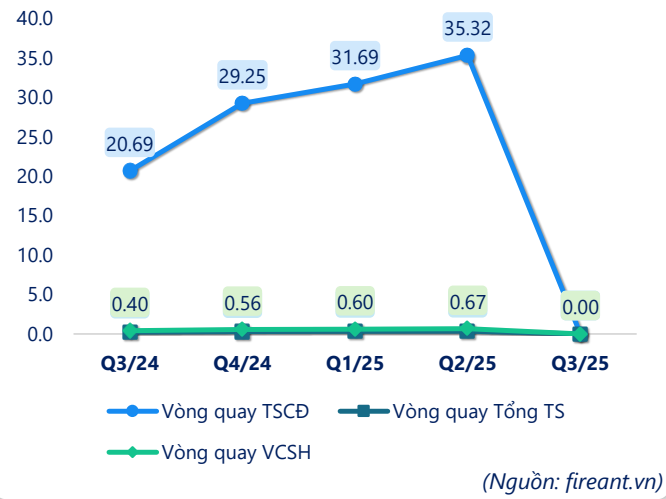
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**350**	**365**	**358**	**373**	**400**
Tài sản ngắn hạn	**254**	**269**	**264**	**279**	**280**
Tiền và tương đương tiền	25.4	16.2	17.7	54.9	58.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.4	32.6	38.3	13.1	35.4
Phải thu ngắn hạn	152	176	173	175	183
Hàng tồn kho	49.5	43.7	33.9	35.8	2.41
Tài sản ngắn hạn khác	1.65	0.62	0.57	0.36	0.10
Tài sản dài hạn	**95.9**	**95.4**	**94.8**	**94.3**	**120**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.59	3.57	3.55	3.53	3.50
Bất động sản đầu tư	92.4	91.8	91.3	90.8	117
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**161**	**175**	**167**	**182**	**207**
Nợ ngắn hạn	**141**	**155**	**164**	**170**	**196**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.10	6.10	6.10	6.10	6.10
Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	18.5	11.3	13.7	20.2
Nợ dài hạn	20.5	20.5	2.54	11.6	11.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	2.03
Nguồn vốn chủ sở hữu	**188**	**189**	**192**	**191**	**193**
Vốn chủ sở hữu	**188**	**189**	**192**	**191**	**193**
Vốn điều lệ	73.4	73.4	73.4	73.4	73.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)